

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025)

.... , ngày tháng năm

CÔNG TRÌNH: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				98.506.298	7.880.504	106.386.802	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				98.506.298	7.880.504	106.386.802	
1.1.1	SỬA CHỮA LÁT NỀN TRỤ SỞ NHÀ LÀM VIỆC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	98.506.298	7.880.504	106.386.802	
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				13.638.841	1.091.108	14.729.949	Gtv
2.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	6,5%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	6.402.909	512.233	6.915.142	
2.2	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.16 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,258%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.000.000	160.000	2.160.000	
2.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.17 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.000.000	160.000	2.160.000	
2.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	3.235.932	258.875	3.494.807	
3	Chi phí khác				729.248		729.248	Gk
3.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	729.248		729.248	
4	Chi phí dự phòng						6.092.300	Gdp
4.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			6.092.300	
	Tổng cộng				112.874.387	8.971.612	127.938.299	Gxdct
	Làm tròn						127.938.000	